

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu và thuyết minh làm căn cứ trình Hội đồng nhân dân thị trấn quyết định dự toán ngân sách thị trấn và kế hoạch hoạt động tài chính khác thị trấn Trại Cau năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN TRẠI CAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán ngân sách,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu và thuyết minh làm căn cứ trình Hội đồng nhân dân thị trấn quyết định dự toán ngân sách thị trấn và kế hoạch hoạt động tài chính khác thị trấn Trại Cau năm 2024 như sau:

1. Công khai số liệu dự toán ngân sách và kế hoạch hoạt động tài chính khác năm 2024 trình Hội đồng nhân dân thị trấn Trại Cau (theo các Biểu đính kèm Quyết định này).

2. Thuyết minh dự toán ngân sách và kế hoạch các hoạt động tài chính khác thị trấn Trại Cau năm 2024.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND và UBND, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy- HĐND TT;
- Các cơ quan đoàn thể;
- Các tổ trưởng;
- Lưu: VP UBND, TCKT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hà

Trại Cau, ngày 13 tháng 12 năm 2023

CÔNG KHAI THUYẾT MINH

Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu và thuyết minh làm căn cứ trình Hội đồng nhân dân thị trấn quyết định dự toán ngân sách thị trấn và kế hoạch hoạt động tài chính khác thị trấn Trại Cau năm 2024

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND thị trấn Trại Cau thực hiện Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu và thuyết minh làm căn cứ trình Hội đồng nhân dân thị trấn quyết định dự toán ngân sách thị trấn và kế hoạch hoạt động tài chính khác thị trấn Trại Cau năm 2024 như sau:

I. Nguyên tắc xây dựng và phân bổ dự toán năm 2024:

1. Nguyên tắc xây dựng dự toán thu ngân sách:

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính; Trên cơ sở dự báo về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024, căn cứ vào thực tế nguồn thu của địa phương và các quy định của pháp luật về thu ngân sách để xây dựng dự toán thu ngân sách.

2. Nguyên tắc xây dựng và phân bổ dự toán chi ngân sách:

Dự toán chi thường xuyên được xây dựng, phân bổ đảm bảo đúng quy theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật ngân sách nhà nước; Căn cứ Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.

Căn cứ vào điều kiện thực tế về nguồn kinh phí của huyện giao, đảm bảo bố trí kinh phí thực hiện chính sách tiền lương, chi hoạt động thường xuyên của Đảng ủy - HĐND - UBND và các tổ chức chính trị - xã hội...

Bố trí dự phòng ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước để chủ động phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và xử lý những nhiệm vụ quan trọng phát sinh ngoài dự toán.

Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

II. Dự toán thu - chi ngân sách năm 2024:

1. Thu ngân sách:

Tổng thu NSNN trên địa bàn:	5.737.000.000 đồng
Trong đó: - Thu NSNN trên địa bàn:	1.250.000.000 đồng
- Thu bổ sung cân đối:	4.487.000.000 đồng
Tổng thu ngân sách thị trấn:	5.152.000.000 đồng
Trong đó: - Thu cân đối:	665.000.000 đồng
- Thu bổ sung cân đối:	4.487.000.000 đồng

2. Chi ngân sách:

Trong đó: - Chi thường xuyên:	5.008.000.000 đồng
- Tiết kiệm chi 10%:	68.000.000 đồng
- Dự phòng NS:	76.000.000 đồng

(Có biểu dự toán thu - chi ngân sách 2024 kèm theo)

III. Kế hoạch thu - chi các hoạt động tài chính khác năm 2024:

Nội dung	Kế hoạch năm 2024		
	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)
Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	95.000	78.000	17.000
Quỹ khuyến học	7.000	6.000	1.000
Quỹ chăm sóc người cao tuổi	20.000	15.000	5.000
Quỹ Vì người nghèo	17.000	15.000	2.000
Quỹ nhân đạo	16.000	12.000	4.000
Quỹ chăm sóc và bảo vệ trẻ em	17.000	15.000	2.000
Quỹ Đền ơn Đáp nghĩa	18.000	15.000	3.000
Tổng cộng	95.000	78.000	17.000

IV. Đánh giá về Số liệu dự toán ngân sách và kế hoạch các hoạt động tài chính khác năm 2024 thị trấn Trại Cau:

Nhìn chung số liệu dự toán thu - chi ngân sách thị trấn Trại Cau năm 2024 được xây dựng đảm bảo theo đúng Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định hiện hành./.

KẾ TOÁN



Trần Văn Tám





CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	5.152.000	TỔNG SỐ CHI	5.152.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	165.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	500.000	II. Chi thường xuyên	5.008.000
III. Thu bổ sung	4.487.000	III. Dự phòng	76.000
- Bổ sung cân đối	4.487.000	IV. Tiết kiệm chi 10%	68.000
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỨC HIỆN		DỰ TOÁN NĂM		SO SÁNH (%)
		THU	NSX	THU	NSX	
A	B	1	2	3	4	5=3/1 6=4/2
	TỔNG THU	7.128.790	6.409.947	5.737.000	5.152.000	80,5 80,4
I	Thu hưởng điều tiết	1.391.230	672.387	1.250.000	665.000	98,9
I	Các khoản thu 100%	195.003	195.003	165.000	165.000	84,6
-	Phí, lệ phí	82.503	82.503	95.000	95.000	115,1
+	Phí hộ tịch, chứng thực	25.503	25.503	35.000	35.000	137,2
+	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	57.000	57.000	60.000	60.000	105,3
-	Thu khác	112.500	112.500	70.000	70.000	62,2
+	DVSD DTBH tại chợ	100.000	100.000	70.000	70.000	70,0
+	Thu phạt	12.500	12.500	0	0	0,0
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	1.196.227	477.384	1.085.000	500.000	90,7 104,7
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	29.689	29.689	10.000	10.000	33,7
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất	86.753	43.377	80.000	40.000	92,2
-	Thuế GTGT	421.446	404.319	450.000	450.000	106,8 111,3
-	Thuế TTBB	3.082				
-	Các khoản thu phân chia khác	113.620				
-	Thuế TNCN	541.637		545.000		100,6
+	Thuế TNCN từ kinh doanh	212.176		225.000		106,0
+	Thuế TNCN từ chuyển quyền SDD	329.461		320.000		97,1
II	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)					
III	Thu chuyển nguồn	503.445	503.445			
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước	70.000	70.000			
V	Thu nộp sung từ ngân sách cấp trên	5.164.115	5.164.115	4.487.000	4.487.000	86,9
-	Thu nộp sung cần đòi	3.984.000	3.984.000	4.487.000	4.487.000	112,6
-	Thu nộp sung có mục tiêu	1.180.115	1.180.115			

Đơn vị: 1000 đồng

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Biểu số 104/CK TC-NSNN





DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Biểu số 105/CK.TC.NSN

Đơn vị: 1000 đồng

STT	A	B	DỰ TOÁN NĂM 2023		DỰ TOÁN NĂM 2024		SO SÁNH (%)
			TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	
		TỔNG CHI	4.402.042,400	1.006,689,4	5.152,000	5.152,000	117,0
		Trong đó	4.332.042,400	1.006,689,4	5.008,000	5.008,000	115,6
1		Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	735,206		614,097	614,097	83,5
		- Chi dân quân tự vệ	342,101		355,774	355,774	104,0
		- Chi trật tự an toàn xã hội	393,105		258,323	258,323	65,7
2		Chi y tế	0		35,000	35,000	4,3
3		Chi văn hóa thông tin	819,923	750,000	69,923	69,923	8,5
4		Chi thể dục, thể thao	0		25,000	25,000	2,5
5		Bảo vệ môi trường	446,168	0	360,000	360,000	80,7
		Xử lý chất thải rắn	446,168		360,000	360,000	80,7
6		Chi các hoạt động kinh tế	599,505	256,689,4	296,600	296,600	49,5
		- Giao thông đường bộ		256,689,4			
		- Nông - lâm nghiệp	52,816		56,600	56,600	107,2
		- Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi	20,000				
		- Thị chính	270,000		240,000	240,000	88,9
7		Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	1.682,240,000	0	3.597,499	3.597,499	213,9
		Trong đó: Quy lương					
		- Quản lý Nhà nước	0,000	0,000	1.838,305	1.838,305	183,8
		+ Hội đồng nhân dân	0,000		370,155	370,155	37,0
		+ Ủy ban nhân dân	0,000		1.468,150	1.468,150	146,8
		- Đảng Cộng sản Việt Nam	691,898		716,952	716,952	103,6
		- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	354,553		367,378	367,378	103,6
		- Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	96,318		119,571	119,571	124,1
		- Hội Liên hiệp Phụ nữ	161,006		195,268	195,268	121,3
		- Hội Cựu chiến binh	96,268		119,571	119,571	124,2
		- Hội Nông dân	165,897		146,734	146,734	88,4
		- Hội chữ thập đỏ	18,000		28,920	28,920	160,7
		- Hội người cao tuổi	60,300		25,920	25,920	43,0
		- Hội khuyến học	19,000		19,440	19,440	102,3
		- Hội cựu thanh niên xung phong	19,000		19,440	19,440	102,3
7		Chi cho công tác xã hội	49,000		79,804	79,804	162,9
		- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	49,000		69,804	69,804	142,5
		- Bảo đảm xã hội			10,000	10,000	
II		TIỆT KIỆM CHI 10%	35,000		68,000	68,000	194,3
III		DỰ PHÒNG	35,000		76,000	76,000	217,1



BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024
 (Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2023			Kế hoạch năm 2024		
	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)
Tổng số						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài	91.796	78.300	13.496	95.000	78.000	17.000
Quỹ khuyến học	6.363	6.300	63	7.000	6.000	1.000
Quỹ chăm sóc người cao tuổi	19.237	15.000	4.237	20.000	15.000	5.000
Quỹ Vì người nghèo	16.220	15.000	1.220	17.000	15.000	2.000
Quỹ nhân đạo	15.626	12.000	3.626	16.000	12.000	4.000
Quỹ bảo trợ trẻ em	16.615	15.000	1.615	17.000	15.000	2.000
Quỹ Đền ơn Đáp nghĩa	17.735	15.000	2.735	18.000	15.000	3.000
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+						
.....						